

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022



Hà Nam, tháng 08 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khang Minh Group trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 là: 238.139.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đặng Việt Lê	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông	Trần Hưng Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông	Phạm Nghiêm Việt Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/3/2022)
Ông	Hoàng Văn Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/3/2022)
Ông	Nguyễn Văn Tiêm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/3/2022)
Ông	Trần Hải Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/3/2022)

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà	Cao Thị Thương	Thành viên
Bà	Nguyễn Minh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc
Ông	Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Tiêm	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất và thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh 7.1, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Đặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nam, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Số: 102/2022/BCSX-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group được lập ngày 12/8/2022 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



The image shows a red circular stamp on the left and a blue ink signature on the right. The stamp contains the text: "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM" in the center, "HÀ NỘI - VIỆT NAM" around the bottom edge, and "M.Đ. 01917917" around the top edge. The signature is a cursive blue line.

Phan Huy Thắng

Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		195.066.174.012	167.193.661.489
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.458.358.204	14.955.832.388
1. Tiền	111		36.458.358.204	14.955.832.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu	130		149.636.573.782	143.176.084.401
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	99.946.361.001	87.184.229.322
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	24.241.894.599	18.711.421.699
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	19.184.100.864
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	25.448.318.182	18.096.332.516
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
III. Hàng tồn kho	140	5.5	843.234.581	842.526.000
1. Hàng tồn kho	141		843.234.581	842.526.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.128.007.445	8.219.218.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	38.099.289	23.563.640
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	8.089.908.156	8.195.655.060
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		276.018.887.011	285.679.633.450
I. Tài sản cố định	220		17.256.333.977	18.712.031.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	17.256.333.977	18.712.031.439
<i>Nguyên giá</i>	222		50.571.105.245	50.571.105.245
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.314.771.268)	(31.859.073.806)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		579.863.861	579.863.861
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	579.863.861	579.863.861
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	244.344.183.172	254.844.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.844.183.172	153.844.183.172
2. Đầu tư dài hạn khác	253		90.500.000.000	101.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.838.506.001	11.543.554.978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	13.838.506.001	11.543.554.978
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		471.085.061.023	452.873.294.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		182.542.855.966	183.667.251.126
I. Nợ ngắn hạn	310		82.542.855.966	83.667.251.126
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	32.201.097.864	29.884.589.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.171.910.302	482.370.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	10.449.899.395	9.166.606.080
4. Phải trả người lao động	314		604.746.575	287.540.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.919.804.042	1.419.484.069
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		487.500.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.307.897.788	1.437.160.113
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	32.400.000.000	40.989.500.000
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000.000	100.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	100.000.000.000	100.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		288.542.205.057	269.206.043.813
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	288.542.205.057	269.206.043.813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		238.139.000.000	238.139.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.556.059.091	8.556.059.091
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		41.847.145.966	22.510.984.722
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>22.510.984.722</i>	<i>596.735.866</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>19.336.161.244</i>	<i>21.914.248.856</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		471.085.061.023	452.873.294.939

Người lập

Phạm Thị Yến

Kế toán trưởng

Lê Văn Tùng

Hà Nam, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	44.089.625.000	54.978.985.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	335.244.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	44.089.625.000	54.643.741.093
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	31.834.234.770	45.796.379.265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.255.390.230	8.847.361.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.694.559.055	38.924
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	6.4	7.911.483.031 6.904.178.596	2.683.203.311 2.274.457.862
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	912.120.686	1.319.760.828
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.069.419.440	1.430.148.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)-(25+26)}	30		21.056.926.128	3.414.288.259
11. Thu nhập khác	31	6.7	12.648.726	205.502.750
12. Chi phí khác	32	6.8	270.505.587	409.954.762
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(257.856.861)	(204.452.012)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		20.799.069.267	3.209.836.247
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	1.462.908.023	723.958.202
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.336.161.244	2.485.878.045

Hà Nam, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị







Phạm Thị Yến

Lê Văn Tùng

Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		20.799.069.267	3.209.836.247
2 Điều chỉnh cho các khoản			(10.334.682.997)	5.624.959.739
- Khấu hao TSCĐ	02		1.455.697.462	3.350.540.801
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.694.559.055)	(38.924)
- Chi phí lãi vay	06		6.904.178.596	2.274.457.862
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		10.464.386.270	8.834.795.986
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(17.141.263.118)	31.077.059.458
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(708.581)	(9.257.906.291)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay) phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.501.876.844	(7.504.276.128)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.309.486.672)	(7.149.829.220)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.403.858.623)	(2.274.457.862)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.889.053.880)	13.725.385.943
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(7.426.021.403)	(136.599.486)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		7.852.950.000	-
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.184.100.864	-
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	(7.650.000.000)
5 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.100.000.000	-
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.270.050.235	38.924
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.981.079.696	(7.786.560.562)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.175.000.000	35.723.271.387
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(46.764.500.000)	(41.191.638.070)
3 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.589.500.000)	(5.468.366.683)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50		21.502.525.816	470.458.698
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	14.955.832.388	8.905.901.630
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	36.458.358.204	9.376.360.328

Người lập

Phạm Thị Yên

Kế toán trưởng

Lê Văn Tùng

Hà Nam, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 là: 238.139.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là: 04 người (tại ngày 01/01/2022 là 05 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Và các ngành nghề khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<i>Công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,64%	99,64%	99,64%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	51,00%	51,00%	51,00%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí khác.

Chi phí trả trước liên quan đến kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí trả trước dài hạn cho nhiều kỳ kế toán được tính và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí. Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ theo thời gian thuê đất; chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm gạch không nung và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	108.729.232	83.583.275
Tiền gửi ngân hàng	36.349.628.972	14.872.249.113
Tổng	36.458.358.204	14.955.832.388

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn XD và TM Ngọc Khánh	3.081.538.792	3.081.538.792
Công ty TNHH Thương mại Thành Lâm	12.743.390.702	9.516.998.702
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đức Nam	-	11.666.768.080
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Thương mại Hùng Trang	4.831.986.000	3.819.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư bê tông Anh Đức	6.622.018.960	3.746.192.800
Công ty TNHH MTV Tuấn Dũng Tây Bắc	4.984.717.600	4.984.717.600
Công ty TNHH Vật tư Và Xây dựng Hoàng Thành	6.066.945.945	9.192.945.945
Công ty CP Đoàn Minh Công	116.700.000	4.016.700.000
Công ty Cổ phần VLXD Bảo Minh Khang	21.829.685.070	10.972.619.604
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	7.547.393.166	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh	15.865.815.540	5.651.898.140
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	2.000.132.000	3.037.132.000
Đối tượng khác	14.256.037.226	17.497.717.659
Tổng	99.946.361.001	87.184.229.322

Trong đó:

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

- 1.164.130.000

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuê văn phòng SH19 - Đặng Ngọc Hường	2.153.582.210	1.584.332.210
Công ty CP TM và XNK Hồng Việt	4.728.247.915	7.440.297.428
Công ty CP Cơ khí và Vật liệu Xây dựng Phú Nguyễn	17.000.000.000	9.573.978.597
Thu đối tượng khác	360.064.474	112.813.464
Tổng	24.241.894.599	18.711.421.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.4 Phải thu khác

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Bà Nguyễn Thu Trang	-	-	1.423.300.000	-
Ông Lê Ngọc Hà {1}	10.400.000.000	-	14.500.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hoa {2}	15.000.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Miên	48.318.182	-	48.318.182	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	-	-	49.223.154	-
Phải thu lợi nhuận của Công ty con	-	-	2.075.491.180	-
Tổng	25.448.318.182	-	18.096.332.516	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	-	-	3.596.332.516	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)				

{1} Khoản phải thu theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT/GKM ngày 07/12/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 07/12/2021 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group quyết định chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Điện sinh khối BPW Cẩm Thủy mà Công ty đang sở hữu cho ông Lê Ngọc Hà.

{2} Khoản phải thu theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT/GKM ngày 16/5/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 16/5/2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group quyết định chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Cụm Công nghiệp APG mà Công ty đang sở hữu cho bà Nguyễn Thị Hoa.

5.5 Hàng tồn kho

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	843.234.581	-	842.526.000	-
Tổng	843.234.581	-	842.526.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	38.099.289	23.563.640
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	2.064.998	1.063.640
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	36.034.291	22.500.000
b. Dài hạn	13.838.506.001	11.543.554.978
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	884.707.980	1.003.868.232
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	298.569.015	447.179.882
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng	9.672.169.050	9.798.257.754
Chi phí phát hành, lưu ký trái phiếu	2.983.059.956	294.249.110
Tổng	13.876.605.290	11.567.118.618

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công trình trạm nghiền đá	16.678.300	16.678.300
Xây dựng cơ bản dở dang	563.185.561	563.185.561
- Nhà kho	563.185.561	563.185.561
Tổng	579.863.861	579.863.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	29.018.884.272	16.613.690.538	3.599.122.722	663.735.850	675.671.863	50.571.105.245
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>29.018.884.272</u>	<u>16.613.690.538</u>	<u>3.599.122.722</u>	<u>663.735.850</u>	<u>675.671.863</u>	<u>50.571.105.245</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	14.773.949.050	13.983.807.373	2.309.472.235	213.125.831	578.719.317	31.859.073.806
Tăng trong kỳ	925.889.480	230.470.212	232.482.200	48.194.112	18.661.458	1.455.697.462
- Khấu hao trong kỳ	925.889.480	230.470.212	232.482.200	48.194.112	18.661.458	1.455.697.462
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>15.699.838.530</u>	<u>14.214.277.585</u>	<u>2.541.954.435</u>	<u>261.319.943</u>	<u>597.380.775</u>	<u>33.314.771.268</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	<u>14.244.935.222</u>	<u>2.629.883.165</u>	<u>1.289.650.487</u>	<u>450.610.019</u>	<u>96.952.546</u>	<u>18.712.031.439</u>
Tại ngày 30/6/2022	<u>13.319.045.742</u>	<u>2.399.412.953</u>	<u>1.057.168.287</u>	<u>402.415.907</u>	<u>78.291.088</u>	<u>17.256.333.977</u>

Tại ngày 30/6/2022, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 884.668.292 VND (tại ngày 01/01/2022 là 5.964.931.941 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 là 23.710.202.937 VND (tại ngày 01/01/2022 là 19.277.482.772 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh {1}	130.894.183.172	-	-	130.894.183.172	-	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh {2}	22.950.000.000	-	-	22.950.000.000	-	-
Tổng	153.844.183.172	-	-	153.844.183.172	-	-

- (1) Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh (tiền thân là Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh) là Công ty Cổ phần do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 99,64% vốn điều lệ.
- (2) Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh là Công ty Cổ phần do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty nhận đầu tư do các Công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các đo các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

b. Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư HG {1}	2.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty CP APG Energy Nghệ An {2}	67.000.000.000	-	-	67.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Cụm công nghiệp APG	-	-	-	12.500.000.000	-	-
Công ty CP APG ECO Hòa Bình {3}	21.500.000.000	-	-	21.500.000.000	-	-
Tổng	90.500.000.000	-	-	101.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

b. Đầu tư dài hạn khác (Tiếp theo)

- {1} Công ty CP Khang Minh Group góp vốn vào Công ty CP Đầu tư HG theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 ngày 19/3/2022.
- {2} Công ty CP Khang Minh Group quyết định góp vốn vào Công ty CP APG Energy Nghệ An theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT/GKM ngày 20/12/2021 với số vốn góp là 67.000.000.000 đồng tương ứng với 14,89% cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- {3} Công ty CP Khang Minh Group quyết định góp vốn vào Công ty CP APG ECO Hòa Bình theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐQT/GKM ngày 20/7/2021 với số vốn góp là 21.500.000.000 đồng tương ứng với 14,33% cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- (* Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty nhận đầu tư do các Công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các đo các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thanh Khải	2.160.000.000	2.160.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	680.000.000	680.000.000	1.280.000.000	1.280.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư TM và DV Thăng Long	1.042.760.000	1.042.760.000	2.042.760.000	2.042.760.000
Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	9.459.198.422	9.459.198.422	9.034.075.805	9.034.075.805
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Bắc	10.345.334.662	10.345.334.662	8.579.787.062	8.579.787.062
Công ty TNHH Phương Lâm	4.999.507.719	4.999.507.719	5.999.507.719	5.999.507.719
Các đối tượng khác	2.014.297.061	2.014.297.061	2.948.459.292	2.948.459.292
Tổng	32.201.097.864	32.201.097.864	29.884.589.878	29.884.589.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		30/6/2022 (VND)	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.310.402.899	1.160.577.655	1.343.002.052	-	5.127.978.502
Thuế TNDN	-	3.650.207.314	1.462.908.023	-	-	5.113.115.337
Thuế TNCN	-	205.995.867	27.440.508	24.630.819	-	208.805.556
Tiền thuê đất (*)	8.195.655.060	-	105.746.904	-	8.089.908.156	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng	8.195.655.060	9.166.606.080	2.759.673.090	1.370.632.871	8.089.908.156	10.449.899.395

(*) Tiền thuê đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng Công ty CP Khang Minh Group đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

5.12 Phải trả khác ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	859.298.928	857.599.864
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	392.509.140	523.470.076
Các khoản phải trả phải nộp khác	56.089.720	56.090.173
Tổng	1.307.897.788	1.437.160.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2022 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	32.400.000.000	32.400.000.000	38.175.000.000	46.764.500.000	40.989.500.000	40.989.500.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	12.900.000.000	12.900.000.000	18.675.000.000	46.764.500.000	40.989.500.000	40.989.500.000
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh (2)	12.500.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh (3)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
b. Dài hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu phát hành GKM2124001 (4)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng	132.400.000.000	132.400.000.000	38.175.000.000	46.764.500.000	140.989.500.000	140.989.500.000

Trong đó

Vay ngắn hạn với bên liên quan

Trái phiếu phát hành bên liên quan nắm giữ

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Vay ngắn hạn với bên liên quan	19.500.000.000	-
Trái phiếu phát hành bên liên quan nắm giữ	100.000.000.000	100.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 133/2021/HĐTD ngày 01/7/2021, phụ lục 03 ký ngày 30/3/2022
 - Hạn mức vay ngắn hạn theo phụ lục 03 là: 12.900.000.000 đồng;
 - Lãi suất vay không cố định, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - Thời hạn cấp tín dụng: Từ ngày 29/6/2021 đến 30/9/2022;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Nhà số 60, ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-597.97;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-791.30;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger màu bạc biển số 51D-622.61.

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng số 2506/2022/HĐCV ngày 25/6/2022
 - Số tiền vay : 12.500.000.000 đồng;
 - Lãi suất: 9,5%/năm;
 - Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- (3) Khoản vay theo Hợp đồng số 01/2022/HĐCV ngày 27/6/2022
 - Số tiền vay : 7.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: 3%/năm;
 - Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Trái phiếu phát hành

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
- Phát hành theo mệnh giá GKM2124001	100.000.000.000	12,60%	3 năm	100.000.000.000	12,60%	3 năm
Tổng trái phiếu thường	100.000.000.000			100.000.000.000		

Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; mệnh giá: 10.000.000 đồng/trái phiếu.

Tổng khối lượng phát hành 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 đồng.

Lãi suất cố định 12,6%/năm. Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng, ngày phát hành: 20/9/2021, ngày đáo hạn: 20/9/2024.

Kỳ hạn thanh toán lãi: Trả lãi định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định thông qua đại lý phát hành.

Tiền gốc thanh toán theo mệnh giá một lần vào ngày đáo hạn; Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.14 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2021	148.837.090.000	8.706.059.091	15.480.105.866	173.023.254.957
- Tăng vốn trong năm trước	89.301.910.000	-	-	89.301.910.000
- Lãi năm trước	-	-	21.914.248.856	21.914.248.856
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	-	(14.883.370.000)	(14.883.370.000)
Số dư ngày 31/12/2021	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813
Số dư ngày 01/01/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813
- Lãi trong kỳ	-	-	19.336.161.244	19.336.161.244
Số dư ngày 30/6/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	41.847.145.966	288.542.205.057

Đại Hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 19/3/2022 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 10:1. Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức nắm giữ 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức, cổ đông sở hữu 10 quyền nhận cổ tức sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2022 ngày 19/3/2022 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Nghị quyết số 06/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 31/5/2022 của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ triển khai việc thực hiện chào bán thêm 2.381.390 cổ phiếu ra công chúng và số vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán là 23.813.900.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2022 ngày 19/3/2022 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Nghị quyết số 05/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 30/5/2022 thông qua việc triển khai phương án chào bán và hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, theo đó số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 23.813.900 cổ phiếu tương ứng với số vốn dự kiến thu được là 238.139.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Ông Đặng Việt Lê	25.482.400.000	25.482.400.000
Công ty CP Chứng khoán APG	45.619.000.000	42.967.600.000
Các cổ đông khác	167.037.600.000	169.689.000.000
Tổng	238.139.000.000	238.139.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	238.139.000.000	148.837.090.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	238.139.000.000	148.837.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.813.900	23.813.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.813.900	23.813.900
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.813.900	23.813.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	40.711.781.000	25.462.491.033
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.377.844.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	-	29.516.494.060
Tổng	44.089.625.000	54.978.985.093
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	335.244.000
- Hàng bán bị trả lại	-	335.244.000
Doanh thu thuần	44.089.625.000	54.643.741.093

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	30.622.201.382	25.146.095.487
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.212.033.388	-
Giá vốn bán thành phẩm	-	20.650.283.778
Tổng	31.834.234.770	45.796.379.265

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	439.524.318	38.924
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	4.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ Công ty con	13.755.034.737	-
Tổng	18.694.559.055	38.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền vay	6.904.178.596	2.274.457.862
Lãi chậm trả nhà cung cấp	425.122.617	408.745.449
Chi phí tài chính khác	582.181.818	-
Tổng	7.911.483.031	2.683.203.311

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.709.097	8.699.092
Chi phí nhân công	-	574.277.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	636.369.922	60.532.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	521.845.858
Chi phí khác bằng tiền khác	263.041.667	154.405.576
Tổng	912.120.686	1.319.760.828

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	520.797.822	837.496.038
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.704.023	20.687.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	81.297.564	150.699.990
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.135.778	292.146.553
Chi phí bằng tiền khác	321.484.253	126.118.030
Tổng	1.069.419.440	1.430.148.354

6.7 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Thu nhập khác	12.648.726	205.502.750
Tổng	12.648.726	205.502.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.8 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Tiền phạt, chậm nộp thuế, BHXH	40.035.369	409.954.762
Chi phí khác	230.470.218	-
Tổng	270.505.587	409.954.762

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân công	840.819.542	3.349.111.294
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.413.120	17.194.792.867
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.455.697.462	3.416.004.010
Thuế, phí, lệ phí	108.746.904	108.746.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.135.778	1.431.818.518
Chi phí khác bằng tiền	863.230.920	393.197.047
Tổng	3.424.043.726	25.893.670.640

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.799.069.267	3.209.836.247
Các khoản điều chỉnh	(13.484.529.150)	409.954.762
- Phạt hành chính, chậm nộp thuế, bảo hiểm	40.035.369	409.954.762
- Chi không được trừ khác	230.470.218	-
- Thu nhập không chịu thuế	(13.755.034.737)	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.314.540.117	3.619.791.009
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.462.908.023	723.958.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đại Hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 19/3/2022 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Theo các phương án trên, tổng số cổ phiếu Công ty dự kiến sẽ phát hành thêm là 26.195.290 cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 261.952.900.000 đồng.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2022.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	264.588.000	196.558.429
Lê Hoài An	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	-	126.839.703
Phạm Sĩ Giang	Thành viên HĐQT	-	108.153.277
Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	144.534.000	-
Tổng		409.122.000	431.551.409

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS	112.104.000	29.264.033
Cao Thi Thương	Thành viên BKS	65.255.300	-
Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS	-	18.118.200
Tổng		177.359.300	47.382.233

Tiền lương của Ban Điều hành và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc	181.518.000	23.117.114
Trần Thị Miên	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 08/4/2022)	-	121.794.638
Tổng		181.518.000	144.911.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Mua hàng				
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	3.327.000.000	-
Bán hàng				
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng	2.890.344.000	87.327.000
Thu tiền				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền thanh lý tài sản	550.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền cho vay	9.000.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền lãi cho vay	330.385.973	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền lợi nhuận từ công ty con	15.830.525.917	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền bán hàng	5.158.047.840	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền cho vay	10.184.100.864	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền lãi cho vay	157.851.296	-
Trả tiền				
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Trả tiền mua dịch vụ	1.827.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Trả lãi trái phiếu	4.402.693.726	-
Đi vay				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Vay ngắn hạn	12.500.000.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Vay ngắn hạn	7.000.000.000	-
Góp vốn				
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Góp vốn	-	7.650.000.000
Hoàn tạm ứng				
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS		1.423.300.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. *Số dư với Bên liên quan*

Khoản mục/Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu về cho vay		-	19.184.100.864
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	-	10.184.100.864
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	9.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	1.164.130.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	-	614.130.000
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	550.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		-	3.596.332.516
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	2.075.491.180
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	-	49.223.154
Nguyễn Thu Trang	Trường BKS	-	1.423.300.000
Trần Thị Miên	Kế toán trưởng	-	48.318.182
Đầu tư vào Công ty con		153.844.183.172	153.844.183.172
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	130.894.183.172	130.894.183.172
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	22.950.000.000	22.950.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.364.539.440	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	1.364.539.440	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		19.500.000.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	7.000.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	12.500.000.000	-
Trái phiếu phát hành		100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	100.000.000.000	100.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		2.919.804.042	1.419.484.069
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	2.919.804.042	1.419.484.069

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Thị Yến

Kế toán trưởng



Lê Văn Tùng

Hà Nam, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê